TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 12 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thái Minh Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Hồng Hạnh**
2. Ông **Lê Hoàng Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Võ Tường Vy –** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Mỹ Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc *"tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2025/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Tr, thành phố C

Bị đơn: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Tr, thành phố C

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Ngọc Th trình bày:

Bà và ông Võ Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Định Môn, thành phố Cần Thơ. Qúa trình chung sống thời

gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Qúa trình chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Võ Quốc B (nam), sinh ngày 11/7/2019. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quốc B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa ngày 27/11/2025, bị đơn ông Võ Quốc T trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà Th về quan hệ hôn nhân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông thống nhất ly hôn với bà Th.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông và bà Th có 01 con chung tên Võ Quốc B (nam), sinh ngày 11/7/2019. Sau khi ly hôn, ông thống nhất giao cháu Quốc B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề trong vụ án. Tuy nhiên, ngày 10/11/2025 ông T có văn bản thay đổi ý kiến, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Quốc B nên Tòa án không thể ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: bà Trần Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Quốc Tr; bà Th yêu cầu được nuôi con chung là cháu Võ Quốc B, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: ông Võ Quốc T thống nhất thuận tình ly hôn với bà Trần Ngọc Th; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết; về con chung: ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Quốc B, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ ông T đưa ra để yêu cầu được trực tiếp nuôi con là do khi ông đến thăm con thì cha mẹ bà Th có gây khó dễ với ông và hiện tại ông có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con hơn bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ tại Điều 28 về thẩm quyền giải quyết vụ án. Vụ án đảm bảo về thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, hồ sơ gửi cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Ngọc Th ly hôn với ông Võ Quốc T. Giao cháu Võ Quốc B (nam), sinh ngày 11/7/2019 cho bà Trần Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Bà Trần Ngọc Th và ông Võ Quốc Tr có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã Định Môn, thành phố Cần Thơ nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, khi có phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*". Do bị đơn ông Võ Quốc T có địa chỉ cư trú tại xã Tr, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập bà Th và ông T đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng cả hai không tha thiết hàn gắn hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tạo điều kiện cho các bên hòa giải hàn gắn nhưng thấy rằng bà Th vẫn cương quyết xin được ly hôn, ông T thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Th và ông T.

Về nuôi con chung: Bà Th và ông T có 01 con chung là cháu Võ Quốc B (nam) sinh ngày 11/7/2019. Hiện tại, cháu Quốc B đang sống với bà Th, bà Th có mong muốn được nuôi dạy con chung. Ông T cũng có yêu cầu được nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục hòa giải về vấn đề nuôi dạy con chung nhưng các đương sự vẫn không thống nhất ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Từ lúc bà Th mang cháu Quốc B về nhà cha mẹ bà Th sinh sống thì bà Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quốc B. Hiện tại, cháu Quốc B đang học tập ổn định tại Trường tiểu học Đ (có xác nhận của Trường tiểu học Đ); đối với thu nhập của nguyên đơn thấy rằng bà T có việc làm ổn định, có nguồn thu nhập hàng tháng, đảm bảo cuộc sống cho cháu B. Về điều kiện, hoàn cảnh sống hiện tại bà Th có chỗ ở ổn định, sống chung với gia đình cha mẹ ruột nên vẫn đảm bảo đầy đủ các điều kiện về nuôi dạy con chung.

Căn cứ ông T đưa ra để yêu cầu được trực tiếp nuôi con là do khi ông đến thăm con thì cha mẹ bà Th có gây khó dễ với ông và hiện tại ông có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con hơn bà Th. Những căn cứ ông T đưa ra là không thuyết phục Hội đồng xét xử bởi lẽ, tại biên bản lấy khai ngày 27/11/2025 ông T trình bày quá trình ông đến thăm con thì gia đình bà Th không có cản trở ông. Tại phiên tòa ông T trình bày quá trình ông đến thăm con thì cha mẹ bà Th có gây khó dễ với ông nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình. Đối với việc ông T cho rằng ông có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con hơn bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy kinh tế là điều kiện cần thiết nhưng không phải là điều kiện duy nhất để nuôi dưỡng một đứa trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt. Xét về điều kiện kinh tế có thể bà Th không bằng ông T nhưng bà Th có công việc và thu nhập ổn định, đủ để nuôi dưỡng con. Thực tế cho thấy, hơn 04 tháng mang con về nhà cha mẹ sống dù không có trợ cấp từ ông T bà Th vẫn nuôi dạy, chăm sóc cháu Quốc B rất tốt. Trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu Quốc B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng nếu thật sự bà Th gặp khó khăn về kinh tế thì với tình thương và trách nhiệm của một người cha, ông T hoàn toàn có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng để cháu Quốc B có cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc.

Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Quốc B đang sống ổn định với bà Th, do vậy không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu Quốc B mà nên tiếp tục giao cháu Quốc Bcho Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bị đơn cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Võ Quốc B, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để dành quyền được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền cản trở. Ngoài ra, các bên còn

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông T trình bày là không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí theo quy định).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc Th.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Ngọc Th và ông Võ Quốc Tr.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Võ Quốc B (nam) sinh ngày 11/7/2019 cho bà Trần Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Võ Quốc T không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Võ Quốc B các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Ngọc Th và ông Võ Quốc T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà Th tự nguyên nộp thay ông T. Tổng cộng bà Th phải chịu 150.000đồng. Sau khi khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0004388 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Th được nhận lại 150.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP.Cần Thơ;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *Phòng THADS Khu vực 3;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tr, thành phố C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thái Minh Ngọc